

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 18/2015/TT-BNNPTNT

Hà Nội, ngày 24 tháng 4 năm 2015

THÔNG TƯ

Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Căn cứ Nghị định số 199/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường,

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước dưới các hình thức đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ (sau đây viết tắt là đề tài), dự án sản xuất thử nghiệm cấp Bộ (sau đây viết tắt là dự án) thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý, thực hiện đề tài, dự án cấp Bộ thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (sau đây viết tắt là Bộ).

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

Trong Thông tư này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Tuyển chọn* là việc lựa chọn tổ chức, cá nhân có năng lực và kinh nghiệm đảm bảo khả thi cao nhất để thực hiện đề tài, dự án của Bộ thông qua việc xem xét, đánh giá hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn theo những yêu cầu, tiêu chí nêu trong Thông tư này.

2. *Giao trực tiếp* là việc Bộ giao trực tiếp cho tổ chức có đủ năng lực, điều kiện và chuyên môn phù hợp để thực hiện đề tài, dự án của Bộ.

3. *Cơ quan quản lý khoa học* là cơ quan được Bộ giao nhiệm vụ trực tiếp quản lý đề tài, dự án gồm Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường và Tổng cục quản lý chuyên ngành.

Chương II **QUẢN LÝ NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Mục 1 **XÁC ĐỊNH DANH MỤC ĐẶT HÀNG ĐỀ TÀI, DỰ ÁN**

Điều 3. Yêu cầu đối với đề tài, dự án

1. Yêu cầu chung

a) Có tính cấp thiết, đáp ứng yêu cầu thực tiễn sản xuất, tập trung các vấn đề trọng tâm của ngành, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững ngành nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

b) Không trùng lặp về nội dung với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước đã và đang thực hiện. Riêng đối với đề tài kế thừa, nêu rõ kết quả đã đạt được ở giai đoạn trước và những vấn đề còn tồn tại cần giải quyết tiếp.

2. Yêu cầu riêng đối với đề tài

a) Mục tiêu, sản phẩm rõ ràng;

b) Công nghệ hoặc sản phẩm khoa học công nghệ dự kiến: đảm bảo tính mới, tiên tiến so với sản phẩm khoa học và công nghệ hiện có; có triển vọng tạo sự chuyển biến về năng suất, chất lượng, hiệu quả; được hoàn thành ở dạng mẫu để chuyển sang giai đoạn sản xuất thử nghiệm; có khả năng được cấp bằng độc quyền sáng chế, tiến bộ kỹ thuật, giải pháp hữu ích hoặc bằng bảo hộ; có địa chỉ tiếp nhận kết quả;

c) Có phương án khả thi để phát triển sản phẩm khoa học và công nghệ.

3. Yêu cầu riêng đối với dự án

a) Công nghệ hoặc sản phẩm khoa học và công nghệ của dự án: có xuất xứ từ kết quả nghiên cứu của đề tài đã được hội đồng khoa học và công nghệ (cấp quốc gia, cấp Bộ, cấp Tỉnh) đánh giá, nghiệm thu và kiến nghị triển khai áp dụng hoặc kết quả khai thác sáng chế, giải pháp hữu ích; đảm bảo tính ổn định ở quy mô sản xuất nhỏ và có tính khả thi trong ứng dụng hoặc phát triển sản phẩm ở quy mô sản xuất lớn;

b) Có cam kết và đảm bảo huy động nguồn lực tài chính ngoài ngân sách nhà nước để thực hiện dự án.

Điều 4. Căn cứ đề xuất đề tài, dự án

1. Chiến lược, Chương trình phát triển ngành nông nghiệp.

2. Chiến lược, Chương trình phát triển khoa học và công nghệ của quốc gia và của ngành.

3. Yêu cầu của thực tiễn sản xuất và phát triển kinh tế, xã hội.

4. Yêu cầu của lãnh đạo Đảng, Nhà nước; lãnh đạo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 5. Xây dựng và phê duyệt danh mục đề tài, dự án

1. Định kỳ hoặc theo tính cấp thiết, các tổ chức, cá nhân gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đề xuất đặt hàng đề tài, dự án theo mẫu B1a.PĐX-BNN ban hành kèm theo Thông tư này về Bộ (qua Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường).

2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường tập hợp các đề xuất đặt hàng đề tài, dự án liên quan đến lĩnh vực quản lý chuyên ngành gửi Tổng cục, Cục.

3. Trong thời hạn 20 ngày làm việc, Tổng cục, Cục quyết định thành lập hội đồng tư vấn xây dựng danh mục đề tài, dự án và đề xuất phương thức thực hiện (theo mẫu B1b.DMĐTDA-BNN ban hành kèm Thông tư này) gửi Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường. Thành phần hội đồng tư vấn theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ. Thủ trưởng Tổng cục, Cục chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng về danh mục đã đặt hàng.

4. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường tổng hợp, thẩm định và xây dựng danh mục đặt hàng và phương thức thực hiện đề tài, dự án (theo mẫu B1b.DMĐTDA-BNN ban hành kèm Thông tư này) trình Bộ trưởng phê duyệt và chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng về danh mục đã đề xuất.

5. Ưu tiên phê duyệt những nhiệm vụ có sự tham gia góp vốn của các doanh nghiệp.

Điều 6. Thông báo tuyển chọn, giao trực tiếp đề tài, dự án

1. Đối với đề tài thực hiện theo hình thức tuyển chọn: Bộ (Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường) công bố công khai trên cổng thông tin điện tử của Bộ.

2. Đối với các đề tài, dự án thực hiện theo hình thức giao trực tiếp: Bộ công bố công khai trên cổng thông tin điện tử của Bộ và thông báo bằng văn bản đến các tổ chức được Bộ giao trực tiếp.

3. Thời gian công bố, thông báo: trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày danh mục đặt hàng đề tài, dự án được phê duyệt.

Mục 2

TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI, DỰ ÁN

Điều 7. Điều kiện tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp chủ trì thực hiện đề tài, dự án

1. Đối với các tổ chức chủ trì thực hiện đề tài, dự án phải đáp ứng các điều kiện sau:

- a) Có đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ;
- b) Có chức năng hoạt động phù hợp với lĩnh vực chuyên môn của nhiệm vụ khoa học và công nghệ;
- c) Không thuộc một trong các trường hợp sau đây:

Đến thời điểm nộp hồ sơ chưa hoàn trả đầy đủ kinh phí thu hồi theo hợp đồng thực hiện đề tài, dự án trước đây;

Không được tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp trong thời hạn 01 năm nếu nộp hồ sơ đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ, cấp quốc gia chậm so với thời hạn kết thúc hợp đồng nghiên cứu trên 30 ngày mà không có ý kiến chấp thuận của Bộ Khoa học và Công nghệ (đối với nhiệm vụ cấp quốc gia), Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (đối với nhiệm vụ cấp Bộ);

Không được tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp trong thời hạn 03 năm (từ thời điểm có kết luận của cơ quan có thẩm quyền) nếu có sai phạm dẫn đến bị đình chỉ thực hiện nhiệm vụ; không triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ vào sản xuất theo hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ;

Không được tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp trong thời hạn 02 năm nếu không thực hiện nghĩa vụ đăng ký, nộp lưu giữ các kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước; không báo cáo ứng dụng kết quả của nhiệm vụ theo quy định.

2. Đối với cá nhân chủ nhiệm đề tài, dự án phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có trình độ đại học trở lên, có chuyên môn phù hợp và đang hoạt động cùng lĩnh vực có liên quan đến đề tài, dự án trong 05 năm gần nhất, tính đến thời điểm nộp hồ sơ;

b) Là người chủ trì hoặc tham gia chính xây dựng thuyết minh đề tài, dự án;

c) Có đủ khả năng trực tiếp thực hiện hoặc tổ chức thực hiện và đảm bảo đủ thời gian để chủ trì thực hiện đề tài, dự án;

d) Đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ, đang làm chủ nhiệm không quá 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ hoặc cấp quốc gia;

đ) Không thuộc một trong các trường hợp sau:

Không được tham gia đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp trong thời gian 01 năm nếu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ, cấp quốc gia bị dừng giữa chừng do nguyên nhân chủ quan của chủ nhiệm đề tài, dự án;

Không được tham gia đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp trong thời gian 02 năm nếu nộp hồ sơ đánh giá nghiệm thu cấp Bộ, cấp quốc gia chậm so với thời hạn kết thúc hợp đồng nghiên cứu trên 30 ngày mà không có ý kiến chấp thuận của Bộ

Khoa học và Công nghệ (đối với nhiệm vụ cấp quốc gia), Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (đối với nhiệm vụ cấp Bộ); không thực hiện nghĩa vụ đăng ký, lưu giữ kết quả của đề tài, dự án đã được nghiệm thu;

Không được tham gia đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp trong thời gian 03 năm nếu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ, cấp quốc gia được đánh giá nghiệm thu ở mức “không đạt” kể từ thời điểm có kết luận của hội đồng đánh giá nghiệm thu cấp Bộ;

Không được tham gia đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp trong thời gian 05 năm (tính từ ngày có quyết định của cơ quan có thẩm quyền) nếu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ, cấp quốc gia do mình làm chủ nhiệm có sai phạm dẫn đến bị đình chỉ thực hiện.

Điều 8. Nội hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp

1. Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp gồm:

a) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

b) Đơn đăng ký chủ trì thực hiện đề tài, dự án theo mẫu B2.ĐON-BNN ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Thuyết minh đề tài theo mẫu B3a.TMĐT-BNN ban hành kèm theo Thông tư này (đối với đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp đề tài) hoặc thuyết minh dự án theo mẫu B3b.TMDA-BNN ban hành kèm theo Thông tư này (đối với đăng ký giao trực tiếp dự án);

d) Tóm tắt hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức đăng ký thực hiện đề tài, dự án theo mẫu B4.LLTC-BNN ban hành kèm theo Thông tư này;

đ) Lý lịch khoa học của cá nhân đăng ký chủ trì đề tài, dự án và các cá nhân tham gia (tối đa 10 người), có xác nhận của cơ quan, đơn vị quản lý hành chính theo mẫu B5.LLCN-BNN ban hành kèm theo Thông tư này;

e) Sơ yếu lý lịch khoa học của chuyên gia nước ngoài (trường hợp thuê chuyên gia nước ngoài);

g) Văn bản xác nhận của đơn vị đăng ký phối hợp thực hiện đề tài, dự án theo mẫu B6.PHTH-BNN ban hành kèm theo Thông tư này (nếu có);

h) Văn bản chứng minh khả năng huy động kinh phí từ nguồn khác (trường hợp có huy động kinh phí từ nguồn khác);

i) Đối với dự án: bổ sung văn bản pháp lý cam kết và giải trình khả năng huy động kinh phí từ nguồn ngoài ngân sách nhà nước ít nhất 50% tổng kinh phí dự án (báo cáo tài chính của doanh nghiệp trong 02 năm gần nhất; cam kết cho vay vốn hoặc bảo lãnh vay vốn của các tổ chức tín dụng; cam kết pháp lý và giấy tờ xác nhận về việc đóng góp vốn của tổ chức chủ trì và các tổ chức tham gia dự án).

2. Hồ sơ đăng ký gồm 01 bộ hồ sơ gốc (có dấu và chữ ký trực tiếp) và 7 bản sao, trình bày và in trên khổ giấy A4, sử dụng phông chữ tiếng Việt của bộ mã ký